TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 46/2023/QĐST-DS	*Q, ngày 13 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ L số 15/2023/TLST- DS ngày 28 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 6, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Mạnh Đ - Cán bộ xử L nợ Ngân hàng thương mại cổ phần K theo Giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng số 748-03/2022/UQ-TCB ngày 21/10/2022.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1978 và vợ là bà Đinh Thị N1, sinh năm 1985. Cùng ĐKHKTT: Đội 2, Đồi Phủ, thôn B, xã HT, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1945 (Bố anh N).

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944 (Mẹ anh N).

+ Cháu Nguyễn Ngọc C, sinh năm 2005 (Con anh N và chị N1).

+ Cháu Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 2007 (Con anh N và chị N1).

+ Cháu Nguyễn Ngọc V, sinh năm 2010 (Con anh N và chị N1).

+ Cháu Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2012 (Con anh N và chị N1).

+ Cháu Nguyễn Đinh Ngọc L2, sinh năm 2017 (Con anh N và chị N1).

Cùng ĐKHKTT: Đội 2, Đồi Phủ, thôn B, xã HT, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Ông K1, bà L, chị N1 và cháu Chi đã ủy quyền cho anh N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Thế N - bà Đinh Thị N1 và đại diện ngân hàng TMCP K xác nhận hai bên đã ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 51562/HĐTD/TH-TN/TCB-DDA-KNM ngày 05/6/2012, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 07/6/2012.

2.2. Ông Nguyễn Thế N - bà Đinh Thị N1 và đại diện ngân hàng TMCP K xác nhận tạm tính đến ngày 06/4/2023, ông N - bà N1 còn nợ Ngân hàng TMCP K tổng số tiền là: 761.166.434 đồng (Bảy trăm sáu mươi mốt triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tư đồng), trong đó gồm:

+ Nợ gốc: 291.315.000 đồng (Hai trăm chín mươi mốt triệu, ba trăm mười lăm nghìn đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 284.333.397 đồng (Hai trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 185.518.037 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm mười tám nghìn, không trăm ba mươi bảy đồng).

2.3. Kể từ ngày 07/4/2023, ông N – bà N1 tiếp tục phải trả lãi cho Ngân hàng TMCP K trên số dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi tất toán khoản vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP K thì lãi suất mà ông N – bà N1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP K theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP K.

2.4. Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông N – bà N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng

TMCP K có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử L tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 144.1, tờ bản đồ số: 15 tại xã HT, huyện Q, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 925362, vào sổ cấp GCN số: CH 873 ngày 23/3/2012 cho ông Nguyễn Văn K1, theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng: 746.2012/HĐTC-TCB ngày 06/6/2012 tại Văn phòng công chứng Thăng Long (Số 54 Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội) và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng kí quyền sử dụng đất UBND huyện Q ngày 07/6/2012.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 144.2, tờ bản đồ số: 15 tại xã HT, huyện Q, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 925435, vào sổ cấp GCN số: CH 874 ngày 23/3/2012 cho ông Nguyễn Thế N, theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng: 745.2012/HĐTC-TCB ngày 06/6/2012 tại Văn phòng công chứng Thăng Long (Số 54 Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội) và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng kí quyền sử dụng đất UBND huyện Q ngày 07/6/2012.

Tài sản bảo đảm được xử L theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử L tài sản bảo đảm.

Khi xử L tài sản bảo đảm, các đương sự và những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử L tài sản bảo đảm.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử L tài sản bảo đảm dùng để thanh toán toàn bộ khoản nợ của của ông N – bà N1. Nếu dư sẽ trả lại cho chủ sở hữu tài sản, nếu thiếu thì ông N – bà N1 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP K đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.5. Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về tiền lãi phạt chậm trả tính đến ngày 06/4/2023 là 337.767.933.000đ và yêu cầu về phí phạt hợp đồng là 25.120.000đ.

2.6. Về án phí: Ông N và bà N1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 17.223.000đ (Mười bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng). Ông N có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Q nên miễn ½ án phí cho ông N – bà N1 theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông N – bà N1 còn phải nộp 8.611.000đ (Tám triệu sáu trăm mười một nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP K số tiền 21.587.000đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0000525 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy